

Bản án số: 91/2022/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 8 - 2022
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Tha
2. Bà Trần Thị Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 407/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Th** - sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn S - xã A - thị xã N - tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Trương Văn T** - sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn S - xã A - thị xã N - tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Th trình bày: Bà và ông Trương Văn T tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã N. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Ông T hay nhậu nhẹt, say xỉn rồi về nhà đánh đập, chửi mắng vợ con và dùng những lời lẽ không hay xúc phạm đến bà, đập phá đồ đạc trong nhà. Mặc dù bà đã cố gắng chịu đựng nhưng ông T vẫn không khắc phục nên vợ chồng không thể hòa hợp được. Bà Th xác định không còn tình cảm, vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với ông T. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là

Trương Thế Đức M1 – sinh ngày 07/9/2004 và Trương Thế Đức M2 – sinh ngày 29/10/2008; bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2022 và tại phiên tòa bị đơn ông Trương Văn T trình bày: Thời gian, điều kiện kết hôn đúng như bà Th trình bày. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất hòa, kinh cãi với nhau nhưng không đáng kể. Ông thừa nhận khi cãi nhau có nhiều lần đánh bà Th và chửi mắng vợ con nhưng sau đó ông có xin lỗi bà Th. Nay bà Th yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà Th. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Trương Thế Đức M1 – sinh ngày 07/9/2004 và Trương Thế Đức M2 – sinh ngày 29/10/2008, nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ông đồng ý giao 02 con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà Th và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Th được ly hôn ông T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung Trương Thế Đức M1 – sinh ngày 07/9/2004 và Trương Thế Đức M2 – sinh ngày 29/10/2008 cho bà Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Bà Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Trương Thị Th và ông Trương Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Th và ông Trương Văn T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã N (*giấy chứng nhận kết hôn số 146, ngày 30/6/2005*) đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau giữa bà Th và ông T đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Ông T xúc phạm, bạo

hành với vợ làm ảnh hưởng lớn đến tình cảm dẫn đến bà Th yêu cầu ly hôn với ông T.

Tại phiên tòa, bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông T. Ông T không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với vợ, tuy nhiên từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay ông T không có biểu hiện nào cho thấy có việc hàn gắn tình cảm với bà Th. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Th và ông T đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Th và ông T có 02 con chung là Trương Thế Đức M1 – sinh ngày 07/9/2004 và Trương Thế Đức M2 – sinh ngày 29/10/2008. Tại phiên tòa, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông T đồng ý giao 02 con chung cho bà Th nuôi dưỡng nếu ông và bà Th ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th, giao 02 con chung cho bà Th nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Trương Thị Th được ly hôn ông Trương Văn T.

2. Về con chung: Bà Trương Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Trương Thế Đức M1 – sinh ngày 07/9/2004 và Trương Thế Đức M2 – sinh ngày 29/10/2008. Bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Th nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004859 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã A, Ninh Hòa;
- (nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Ái Vy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Chuyển

Trần Thị Hiến

Đặng Thị Ái Vy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã Ninh Thân, Ninh Hòa;
(nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ái Vy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Truyền

Nguyễn Chung

Đặng Thị Ái Vy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hoa

Nguyễn Lơn

Đặng Thị Ái Vy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã Ninh Thọ, Ninh Hòa;
(nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ái Vy